

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **2838** /TKV-KS  
V/v Công bố thông tin của TKV

Hà Nội, ngày **05** tháng 6 năm 2019

Kính gửi:

|   |
|---|
| <b>ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC<br/>TẠI DOANH NGHIỆP</b> |
| <b>CÔNG VĂN ĐẾN</b>                                     |
| SỐ: <b>3748</b>   |
| NGÀY: <b>07.6.19</b>                                    |
| CHUYỂN  |

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Công thương;
- ✓ Ủy Ban Quản lý Vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ Về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Tập đoàn TKV) xin trân trọng báo cáo Bộ Công thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thông tin của Tập đoàn TKV với các nội dung như sau:

1. Phụ lục VIII - Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của Doanh nghiệp năm 2018.

Theo quy định, thời gian gửi báo cáo: Không muộn hơn ngày 20 tháng 6 của năm liền sau năm báo cáo.

Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam trân trọng báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- HĐTV (b/c, e-copy);
- Ban KS TKV (e-copy);
- P.TGD: Nguyễn Hoàng Trung (e-copy);
- P.TGD: Lê Quang Dũng (e-copy);
- Kế toán trưởng: Đặng Thị Hương (e-copy);
- Thư ký HĐTV (e-copy);
- Các Ban: KT, TCNS, KH, KDT, TC, VTM (e-copy);
- Văn phòng (Phòng truyền thông);
- Lưu VT, Ban KS.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hoàng Trung**

**PHỤ LỤC VIII**  
**BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC**  
**CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2018**

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP**  
**THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**MST 57 00100 256**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2019*

**I. THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP**

**1. Hội đồng thành viên:**

**BIỂU SỐ 01**  
**THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC**  
**DOANH NGHIỆP NĂM 2018**

| TT | Họ và tên     | Năm sinh | Chức danh                  |                                   | Phân loại thành viên | Trình độ chuyên môn                            | Kinh nghiệm nghề nghiệp   | Các vị trí quản lý đã nắm giữ  | Công việc quản lý được giao   |
|----|---------------|----------|----------------------------|-----------------------------------|----------------------|--|---|--|---|
|    |               |          | Chức danh tại doanh nghiệp | Chức danh tại Công ty khác nếu có |                      |  |   |  |   |
| 1  | Lê Minh Chuẩn | 1965     | Chủ tịch HĐQT              |                                   | Chuyên trách         | - Kỹ sư khai thác mỏ hầm lò;<br>- Cử nhân luật | - Quản lý, chỉ huy sản xuất;<br>- Quản lý, điều hành doanh nghiệp | - Phó giám đốc Công ty than Vàng Danh;<br>- Trưởng ban Tập đoàn TKV;<br>- Giám đốc Công ty Xây dựng mỏ TKV;<br>- Phó tổng giám đốc Tập đoàn TKV,<br>- Thành viên HĐQT- Tổng giám đốc Tập đoàn TKV. | - Chủ trì chỉ đạo chung việc thực hiện quyền, nghĩa vụ HĐQT đã được quy định trong luật doanh nghiệp, Điều lệ TKV, các quy định của pháp luật, Quy chế làm việc HĐQT.<br>- Trực tiếp chỉ đạo giám sát công tác: chiến lược phát triển, quy hoạch phát triển, nghiên cứu khoa học; cân đối các nguồn lực; công tác tổ chức- cán bộ; truyền thông, quan hệ với cơ quan Trung ương, Bộ ngành, quan hệ quốc tế; công tác XNK than, khoáng sản; Trưởng ban đổi mới doanh nghiệp, Trưởng ban phòng, chống tham nhũng- lãng phí. |



| TT | Họ và tên      | Năm sinh | Chức danh                      |                                   | Phân loại thành viên | Trình độ chuyên môn                                     | Kinh nghiệm nghề nghiệp   | Các vị trí quản lý đã nắm giữ   | Công việc quản lý được giao   |
|----|----------------|----------|--------------------------------|-----------------------------------|----------------------|---|---|---|---|
|    |                |          | Chức danh tại doanh nghiệp     | Chức danh tại Công ty khác nếu có |                      |   |   |   |   |
| 2  | Đặng Thanh Hải | 1966     | Thành viên HDTV- Tổng giám đốc |                                   | Chuyên trách         | - Kỹ sư khai thác mỏ;<br>- Cử nhân quản trị kinh doanh; | - Quản lý, chỉ huy sản xuất;<br>- Quản lý, điều hành doanh nghiệp | - Phó giám đốc Công ty than Đèo Nai;<br>- Phó giám đốc Công ty Vật liệu nổ Công Nghiệp (nay là Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ);<br>- Trưởng ban Tập đoàn TKV;<br>- Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản;<br>- Phó Tổng giám đốc Tập đoàn TKV | - Thực hiện nhiệm vụ Thành viên HDTV được quy định tại Điều lệ TKV và Quy chế làm việc của HDTV TKV.<br>- Là Người đại diện theo pháp luật của TKV; thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc được quy định tại Điều lệ TKV, Luật doanh nghiệp và các quy định của pháp luật, các quy chế, quy định của TKV.<br>- Thực hiện nhiệm vụ tổng điều hành hoạt động SXKD của TKV, kế hoạch phối hợp kinh doanh trong toàn Tập đoàn.<br>- Thay Chủ tịch HDTV chỉ đạo chung hoạt động của HDTV khi Chủ tịch HDTV đi vắng.<br>- Là Phó trưởng ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp doanh nghiệp của TKV. |
| 3  | Vũ Thành Lâm   | 1964     | Thành viên HDTV                |                                   | Chuyên trách         | Kỹ sư khai thác mỏ;<br>Tiến sỹ khai thác mỏ.            | - Quản lý, chỉ huy sản xuất;<br>- Quản lý, điều hành doanh nghiệp | - Phó giám đốc Công than Khe Châm;<br>- Giám đốc Công ty than Thống Nhất;<br>- Phó Tổng giám đốc Tập đoàn TKV.  | - Thực hiện nhiệm vụ Thành viên HDTV được quy định tại Điều lệ TKV và Quy chế làm việc của HDTV TKV.<br>- Chủ trì giám sát, quản lý các lĩnh vực: Sản xuất than hầm lò, xây lắp mỏ hầm lò, sàng tuyển- chế biến than; theo dõi tổng hợp lĩnh vực chế biến khoáng sản; công tác triển khai áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa trong lĩnh vực và đơn vị được giao chủ trì quản lý, theo dõi.<br>- Thực hiện các nhiệm vụ khác do HDTV phân công.   |

| TT | Họ và tên          | Năm sinh | Chức danh                  |                                   | Phân loại thành viên | Trình độ chuyên môn   | Kinh nghiệm nghề nghiệp   | Các vị trí quản lý đã nắm giữ  | Công việc quản lý được giao   |
|----|--------------------|----------|----------------------------|-----------------------------------|----------------------|---|---|--|---|
|    |                    |          | Chức danh tại doanh nghiệp | Chức danh tại Công ty khác nếu có |                      |   |   |  |   |
| 4  | Nguyễn Chiến Thăng | 1965     | Thành viên HDTV            |                                   | Chuyên trách         | - Kỹ sư chế tạo máy;<br>- Cử nhân kế toán   | - Quản lý, chỉ huy sản xuất;<br>- Quản lý, điều hành doanh nghiệp | - Phó Giám đốc, Giám đốc Nhà máy xi măng La Hiên;<br>- Phó giám đốc Công ty than Nội Địa;<br>- Giám đốc Công ty Nhiệt điện Na Dương;<br>- Tổng giám đốc Tổng công ty Điện Lực;<br>- Phó tổng giám đốc Tập đoàn TKV | - Thực hiện nhiệm vụ Thành viên HDTV được quy định tại Điều lệ TKV và Quy chế làm việc của HDTV TKV.<br>- Chủ trì giám sát, quản lý các lĩnh vực: Sản xuất điện; cơ khí; hóa chất mỏ; vật liệu xây dựng (VLXD); kết cấu hạ tầng- vật kiến trúc (trừ kết cấu hạ tầng- vật kiến trúc của khối sản xuất than); một số đơn vị khoáng sản, luyện kim theo phân công.<br>- Giúp Chủ tịch HDTV trong công tác nhập khẩu than.<br>- Quản lý phần vốn của TKV tại các đơn vị sản xuất khoáng sản, điện lực, cơ khí, hóa chất mỏ, VLXD, và các đơn vị phụ trợ.<br>- Công tác triển khai áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa trong lĩnh vực và đơn vị được giao chủ trì quản lý, theo dõi.<br>- Thực hiện các nhiệm vụ khác do HDTV phân công. |
| 5  | Nguyễn Văn Hải     | 1959     | Thành viên HDTV            |                                   | Chuyên trách         | - Kỹ sư kinh tế mỏ;<br>- Cử nhân luật;<br>- Thạc sỹ quản trị kinh doanh;<br>- Tiến sỹ kinh tế | - Quản lý kinh tế, kế hoạch;<br>- Quản lý, điều hành doanh nghiệp | - Phó giám đốc, Giám đốc Mỏ than Khánh Hòa;<br>- Trưởng ban Tập đoàn TKV;<br>- Phó tổng giám đốc Tập đoàn TKV  | - Thực hiện nhiệm vụ Thành viên HDTV được quy định tại Điều lệ TKV.<br>- Chủ trì giám sát, quản lý các lĩnh vực: Thương mại, dịch vụ; Công tác đào tạo, chăm sóc sức khỏe, thi đua, văn hóa, xã hội, quan hệ cộng đồng; Quản lý phần vốn của TKV tại các công ty con, công ty liên kết thuộc lĩnh vực sản xuất than, dịch vụ và thương mại; Công tác triển khai áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa trong lĩnh vực và đơn vị được giao chủ trì quản lý, theo dõi.<br>- Chỉ đạo chung Ban Kiểm soát nội bộ.<br>- Thực hiện các nhiệm vụ khác do HDTV phân công.  |



| TT | Họ và tên    | Năm sinh | Chức danh                  |                                   | Phân loại thành viên | Trình độ chuyên môn | Kinh nghiệm nghề nghiệp   | Các vị trí quản lý đã nắm giữ   | Công việc quản lý được giao  |
|----|--------------|----------|----------------------------|-----------------------------------|----------------------|---------------------|---|---|--|
|    |              |          | Chức danh tại doanh nghiệp | Chức danh tại Công ty khác nếu có |                      |                     |   |   |  |
| 6  | Phạm Văn Mật | 1961     | Thành viên HĐQT            |                                   | Chuyên trách         | Kỹ sư khai thác mỏ  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý, chỉ huy sản xuất;</li> <li>- Quản lý, điều hành doanh nghiệp</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phó giám đốc Công ty than Quảng Ninh;</li> <li>- Giám đốc Công ty than Vàng Danh;</li> <li>- Phó Tổng giám đốc Tập đoàn TKV</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện nhiệm vụ Thành viên HĐQT được quy định tại Điều lệ TKV.</li> <li>- Chủ trì giám sát, quản lý các lĩnh vực: Sản xuất than lộ thiên; an toàn- vệ sinh lao động; môi trường; tư vấn, thăm dò, khảo sát địa chất; một số đơn vị khoáng sản, luyện kim theo phân công; kết cấu hạ tầng- vật kiến trúc của khối sản xuất than.</li> <li>- Giúp Chủ tịch HĐQT trong quản lý tổng hợp công tác khoa học và công nghệ.</li> <li>- Công tác triển khai áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa trong lĩnh vực và đơn vị được giao chủ trì quản lý, theo dõi.</li> <li>- Thực hiện các nhiệm vụ khác do HĐQT phân công.</li> </ul> |

## 2. Kiểm soát viên

| TT | Họ và tên      | Chức danh                      |
|----|----------------|--------------------------------|
| 1  | Lưu Anh Tuấn   | Kiểm soát viên phụ trách chung |
| 2  | Phạm Thanh Hải | Kiểm soát viên chuyên ngành    |
| 3  | Đỗ Thị Loát    | Kiểm soát viên tài chính       |

3. Thù lao và lợi ích của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, thành viên ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc, Kế toán trưởng.

| TT | Họ tên                     | Chức danh       | Chuyên trách, không chuyên trách | Quỹ lương kế hoạch BCT duyệt (tr.đồng) | Quỹ lương thực hiện (tr.đồng) | Ghi chú |
|----|----------------------------|-----------------|----------------------------------|--|-------------------------------|---------|
| I  | <b>Hội đồng thành viên</b> |                 |                                  | <b>4.059,6</b>                         | <b>4.871,5</b>                |         |
| 1  | Lê Minh Chuẩn              | Chủ tịch HĐQT   | Chuyên trách                     | 734,4                                  | 881,3                         |         |
| 2  | Đặng Thanh Hải             | Tổng giám đốc   | Chuyên trách                     | 714,0                                  | 856,8                         |         |
| 3  | Phạm Văn Mật               | Thành viên HĐQT | Chuyên trách                     | 652,8                                  | 783,4                         |         |
| 4  | Nguyễn Văn Hải             | Thành viên HĐQT | Chuyên trách                     | 652,8                                  | 783,4                         |         |

| TT        | Họ tên                           | Chức danh          | Chuyên trách, không chuyên trách | Quỹ lương kế hoạch BCT duyệt (tr.đồng) | Quỹ lương thực hiện (tr.đồng) | Ghi chú                     |
|-----------|----------------------------------|--------------------|----------------------------------|--|-------------------------------|-----------------------------|
| 5         | Vũ Thành Lâm                     | Thành viên HĐQT    | Chuyên trách                     | 652,8                                  | 783,4                         |                             |
| 6         | Nguyễn Chiến Thắng               | Thành viên HĐQT    | Chuyên trách                     | 652,8                                  | 783,4                         |                             |
| <b>II</b> | <b>Các PTGD, KTTTr và KSV NN</b> |                    |                                  | <b>7.038.0</b>                         | <b>7.824,4</b>                |                             |
| 7         | Nguyễn Hoàng Trung               | Phó Tổng giám đốc  | Chuyên trách                     | 652,8                                  | 783,4                         |                             |
| 8         | Nguyễn Đình Thịnh                | Phó Tổng giám đốc  | Chuyên trách                     | 652,8                                  | 783,4                         |                             |
| 9         | Nguyễn Ngọc Cơ                   | Phó Tổng giám đốc  | Chuyên trách                     | 652,8                                  | 783,4                         |                             |
| 10        | Nguyễn Anh Tuấn                  | Phó Tổng giám đốc  | Chuyên trách                     | 652,8                                  | 783,4                         |                             |
| 11        | Khuất Mạnh Thắng                 | Phó Tổng giám đốc  | Chuyên trách                     | 652,8                                  | 783,4                         |                             |
| 12        | Vũ Anh Tuấn                      | Phó Tổng giám đốc  | Chuyên trách                     | 652,8                                  | 783,4                         |                             |
| 13        | Lê Quang Dũng                    | Phó Tổng giám đốc  | Chuyên trách                     | 571,2                                  | 685,4                         | Bổ nhiệm P.TGD từ 13/2/2018 |
| 14        | Lê Quang Dũng                    | Kế toán trưởng     | Chuyên trách                     | 74,0                                   | 88,7                          | Thôi KTTTr từ 13/2/2018     |
| 15        | Kế toán trưởng                   | Kế toán trưởng     | Chuyên trách                     | 517,6                                  | 0                             |                             |
| 16        | Lưu Anh Tuấn                     | Kiểm soát viên TKV | Chuyên trách                     | 652,8                                  | 783,4                         |                             |
| 17        | Phạm Thanh Hải                   | Kiểm soát viên TKV | Chuyên trách                     | 652,8                                  | 783,4                         |                             |
| 18        | Đỗ Thị Loát                      | Kiểm soát viên TKV | Chuyên trách                     | 652,8                                  | 783,4                         |                             |
|           | <b>Tổng cộng</b>                 |                    |                                  | <b>11.097,6</b>                        | <b>12.695,9</b>               |                             |

*\*Ghi chú:*

*Tiền lương quyết toán của Kiểm soát viên Nhà nước TKV chưa khấu trừ thuế thu nhập cá nhân.*

*Từ ngày 13/2/2018 Trưởng ban Kế toán – Tài chính Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam phụ trách công tác kế toán, tài chính của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam.*

#### **4. Các chính sách bảo đảm trách nhiệm của đội ngũ quản lý:**

##### **4.1 Nguyên tắc định hướng về văn hóa doanh nghiệp của TKV:**

- Tạo ra môi trường kinh doanh minh bạch, phát triển bền vững, tạo ra các kênh huy động và quản trị vốn, tài sản chắc chắn đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên, tạo niềm tin để người lao động yên tâm làm việc, nâng cao trách nhiệm với công đồng và đối tác.



#### **4.2 Trách nhiệm tuân thủ về văn hóa đạo đức trong TKV:**

- Đảm bảo luôn tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định hiện hành;
- Thực hiện đầy đủ, hợp lý, chính xác, kịp thời và dễ hiểu trong các báo cáo tài chính và thông tin liên quan;
- Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài sản của doanh nghiệp;
- Giải quyết các mâu thuẫn lợi ích một cách hợp lý trên cơ sở pháp luật hiện hành;
- Bảo vệ các thông tin không được công khai.

#### **5. Về quản lý rủi ro:**

##### **5.1. Nguyên tắc quản lý rủi ro của TKV:**

- Không chấp thuận các rủi ro không cần thiết;
- Ra các quyết định xử lý rủi ro ở cấp thích hợp (Phân cấp theo thẩm quyền)
- Chấp nhận rủi ro khi lợi ích nhiều hơn chi phí;
- Kết hợp quản trị rủi ro vào vận hành và hoạch định ở mọi cấp.

##### **5.2. Biện pháp quản lý của TKV:**

- Xây dựng các quy chế, cơ chế quản lý điều hành minh bạch, hiệu quả (Điều lệ của TKV, quy chế hoạt động của HĐQT, ban lãnh đạo điều hành, quy chế quản lý đầu tư và xây dựng, quy chế quản trị chi phí, quy chế quản lý nợ, quy chế quản lý tài sản, quy chế tài chính...)

- Xây dựng cơ chế kiểm soát các hoạt động của người quản lý: quy chế quản lý người đại diện phần vốn, ban kiểm soát của TKV tại các công ty có vốn góp của TKV;

- Thường xuyên đào tạo, đào tạo lại để nâng cao trình độ về chuyên môn, trình độ hiểu biết về pháp luật của CBCNV;

- Thành lập ban Pháp chế và quản trị rủi ro trong hệ thống các ban chức năng của TKV.

## **II. CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP**

### **BIỂU SỐ 02**

#### **CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TKV**

*(Tóm tắt các quyết định quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)*

| <b>TT</b> | <b>Số văn bản</b> | <b>Ngày</b> | <b>Trích yếu nội dung</b>   |
|-----------|-------------------|-------------|---|
| 1         | 53/QĐ-BCT         | 18/1/2018   | V/v ban hành Chương trình luật hành động của ngành Công Thương thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2018. |
| 2         | 279/QĐ-BCT        | 19/1/2018   | V/v Giao nhiệm vụ thực hiện kế hoạch dữ trữ quốc gia năm 2018   |
| 3         | 354/QĐ-BCT        | 26/1/2018   | V/v Ban hành khung giá phát điện năm 2018.  |



| TT | Số văn bản  | Ngày       | Trích yếu nội dung   |
|----|-------------|------------|--|
| 4  | 431/QĐ-BCT  | 31/1/2018  | V/v giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018  |
| 5  | 595/QĐ-BCT  | 22/2/2018  | V/v xếp loại mỏ theo khí mêtan năm 2018  |
| 6  | 873/QĐ-BCT  | 20/3/2018  | V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thẩm định thiết kế hệ thống cấp dỡ tải và hệ puly dẫn cáp và thùng cũi 2 cần thuộc Dự án KH& CN " Nghiên cứu chế tạo thiết bị, công nghệ thi công đào giếng và trục tải giếng đứng ứng dụng cho mỏ than hầm lò Núi Béo"   |
| 7  | 843/QĐ-BCT  | 19/3/2018  | V/v Phê duyệt danh sách các đơn vị kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường năm 2018 theo Chỉ thị số 11/CT-BCT  |
| 8  | 2011/QĐ-BCT | 8/6/2018   | V/v giao chỉ tiêu đánh giá doanh nghiệp năm 2018   |
| 9  | 3305/QĐ-BCT | 12/9/2018  | V/v phê duyệt nội dung văn kiện Dự án "Nâng cao năng lực sản xuất than"  |
| 10 | 3506/QĐ-BCT | 28/9/2018  | V/v ban hành kế hoạch hành động của Bộ Công thương thực hiện Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2018 về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp |
| 11 | 3895/QĐ-BCT | 16/10/2018 | V/v phê duyệt Phương án xác định thể trọng đất đá nguyên khối tại một số mỏ than khai thác lộ thiên của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam  |
| 12 | 4677/QĐ-BCT | 18/12/2018 | V/v phê duyệt kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện năm 2019  |
| 13 | 4894/QĐ-BCT | 27/12/2018 | V/v đính chính Thông tư số 45/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện    |



### III. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

#### 1. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên

(Các cuộc họp HĐQT và họp giao ban giữa HĐQT và LDDH)

BIỂU SỐ 3

#### THỐNG KÊ CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TKV

| TT | Thành viên HĐQT    | Chức vụ      | Số buổi họp tham dự | Số buổi họp không tham dự | Lý do không tham dự | Tỷ lệ |
|----|--------------------|--------------|---------------------|---------------------------|---------------------|-------|
| 1  | Lê Minh Chuẩn      | Chủ tịch     | 50                  | 0                         |                     | 100%  |
| 2  | Đặng Thanh Hải     | TV HĐQT, TGD | 48                  | 02                        | Đi công tác         | 96%   |
| 3  | Nguyễn Văn Hải     | TV HĐQT      | 50                  | 0                         |                     | 100%  |
| 4  | Phạm Văn Mật       | TV HĐQT      | 49                  | 01                        | Đi công tác         | 98%   |
| 5  | Nguyễn Chiến Thắng | TV HĐQT      | 49                  | 01                        | Đi công tác         | 98%   |
| 6  | Vũ Thành Lâm       | TV HĐQT      | 48                  | 02                        | Đi công tác         | 96%   |

#### 2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc, bao gồm các nội dung chủ yếu:

- Giám sát tình hình thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD 5 năm, hàng năm theo kế hoạch được giao;
- Giám sát kết quả hoạt động SXKD: Doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản (ROA);
- Giám sát thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước;
- Giám sát việc thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập sử dụng các quỹ;
- Giám sát việc bảo toàn và phát triển vốn;
- Giám sát việc quản lý sử dụng vốn và tài sản tại TKV bao gồm:
  - + Hoạt động đầu tư vốn đối với các dự án đầu tư, gồm: Nguồn vốn huy động, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, tiến độ giải ngân vốn đầu tư;
  - + Hoạt động đầu tư vốn ra ngoài TKV của TKV và các công ty con, công ty liên kết;
    - + Tình hình huy động và sử dụng vốn huy động, phát hành trái phiếu;
    - + Tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ, khả năng thanh toán nợ, hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu;
  - Giám sát tình hình lưu chuyển tiền tệ trong TKV;
  - Giám sát việc chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn Nhà nước, quy chế tài chính...
  - Giám sát việc cơ cấu lại vốn Nhà nước tại TKV và các công ty con, công ty liên kết;

- Giám sát việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn theo quy định của Bộ luật lao động;
- Giám các các lĩnh vực quản lý khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ của TKV.

### 3. Các nghị quyết của HĐQT

**BIỂU SỐ 4**  
**THỐNG KÊ CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH**  
**CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TKV**

| TT | Số văn bản      | Ngày      | Nội dung  |
|----|-----------------|-----------|---|
| 1  | 01/2018/NQ-HĐTV | 02/1/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 6203, 6205, 6230, 6324, 6234, 6243, 6218.  |
| 2  | 02/2018/NQ-HĐTV | 08/1/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 6331, 04, 12, 20, 33, 48.  |
| 3  | 03/2018/NQ-HĐTV | 23/1/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 107, 248, 204, 238, 247, 264, 429, 428.  |
| 4  | 04/2018/NQ-HĐTV | 29/1/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 492, 509.  |
| 5  | 05/2018/NQ-HĐTV | 05/2/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 553, 565, 566, 598, 665, 670, 682, 683, 678.   |
| 6  | 06/2018/NQ-HĐTV | 09/2/2018 | Thông qua nội dung trình về nhân sự.  |
| 7  | 07/2018/NQ-HĐTV | 22/2/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 723, 737, 762, 801, 790, 833, 845.   |
| 8  | 08/2018/NQ-HĐTV | 05/3/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 899, 870, 901, 976, 1007, 1009, 1010, 851, 1016, 1012.   |
| 9  | 09/2018/NQ-HĐTV | 12/3/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 1062, 1084, 1087, 1091, 1092, 1095, 1111, 1112, 1113, 1114, 1115, 1116, 1117, 1102, 603, BC30. |
| 10 | 10/2018/NQ-HĐTV | 20/3/2018 | Thông qua nội dung trình tại tờ trình số: 1238.   |
| 11 | 11/2018/NQ-HĐTV | 27/3/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại   |



| TT | Số văn bản      | Ngày      | Nội dung   |
|----|-----------------|-----------|--|
|    |                 |           | các tờ trình số: 1233, 1240, 1239, 1254, 1256, 1283, 1263, 1264, 1265, 1266, 1267, 1324, 1325, 1326, 1327, 1328, 1329, 1330, 1332, 1339, 1346, 1347, 1348, 1349, 1350, 1352, 1353, 1354, 1355, 1356, 1359, 1362, 1363, 1364, 1365, 1255, 1278, 1279, 1338. |
| 12 | 12/2018/NQ-HĐTV | 04/4/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 1435, 1436, 1437, 1438, 1439, 1440, 1541, 1542, 1543, 1462.   |
| 13 | 13/2018/NQ-HĐTV | 09/4/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 1474, 1475, 1478, 1479, 1486, 1495, 1496, 1521, 1547, 1562, 1632, 1652, 1675, 1699, 1707, 1702.   |
| 14 | 14/2018/NQ-HĐTV | 16/4/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 1755, 1756, 1779, 1781, 1788, 1789, 1885, 1896, 1941, 1769, 1837, 1916.   |
| 15 | 15/2018/NQ-HĐTV | 26/4/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 1975, 2012, 2036, 2043, 2069, 2070, 2071, 2078, 2107A, 2086, 2093, 2104, 2000, 2034.  |
| 16 | 16/2018/NQ-HĐTV | 02/5/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 2141, 2143.   |
| 17 | 17/2018/NQ-HĐTV | 07/5/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 2146, 2174, 2182, 2184, 2185, 2208, 2211, 2230, 2248, 2257, 2259, 2321, BC73, 2337.   |
| 18 | 18/2018/NQ-HĐTV | 07/5/2018 | Thông qua nội dung về nhân sự.   |
| 19 | 19/2018/NQ-HĐTV | 14/5/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại tờ trình số: 2452  |
| 20 | 20/2018/NQ-HĐTV | 14/5/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 2488, 2346, 2360, 2375, 2388, 2454.   |

| TT | Số văn bản      | Ngày      | Nội dung   |
|----|-----------------|-----------|--|
| 21 | 21/2018/NQ-HĐTV | 23/5/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 2543, 2554, 2584, 2600, 2608, 2622, 2623, 2625, 2628, 2635, 2680, 2684, 2411, 2585, 2624, 2236, 2264. |
| 22 | 22/2018/NQ-HĐTV | 29/5/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 2748, 2749, 2781, 2498, BC78, 2782.   |
| 23 | 23/2018/NQ-HĐTV | 07/6/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 2788, 2821, 2823, 2950, 2847, 2857, 2863, 2882, 2961, 2964, 2776, BC106, 2973, 2811, 2968.            |
| 24 | 24/2018/NQ-HĐTV | 18/6/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại tờ trình số: 3041, 3049, 3050, 3066, 3136, BC112, 3150.  |
| 25 | 25/2018/NQ-HĐTV | 28/6/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 3174, 3180, 3217, 3218, 3229, 3301, 3349, 3226, 3171.   |
| 26 | 26/2018/NQ-HĐTV | 03/7/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: BC119, 3379, 3390, 3393, 3426, 3430, 3423.  |
| 27 | 27/2018/NQ-HĐTV | 09/7/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 3447, 3538, 3554, 3567, 3572.   |
| 28 | 28/2018/NQ-HĐTV | 16/7/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 3657, 3726, 3741, 3702.   |
| 29 | 29/2018/NQ-HĐTV | 27/7/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại tờ trình số: BC131, 3334, BC133, 3723, 3813, 3818, 3875, 3889, 3942, 3951.   |
| 30 | 30/2018/NQ-HĐTV | 27/7/2018 | Thông qua nội dung về đánh giá cán bộ.   |
| 31 | 31/2018/NQ-HĐTV | 27/7/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại tờ trình số: 3796.   |



| TT | Số văn bản      | Ngày       | Nội dung  |
|----|-----------------|------------|---|
| 32 | 32/2018/NQ-HĐTV | 27/7/2018  | Thông qua một số nội dung về quy hoạch cán bộ.  |
| 33 | 33/2018/NQ-HĐTV | 01/8/2018  | Thông qua một số nội dung trình tại tờ trình số: 4058.  |
| 34 | 34/2018/NQ-HĐTV | 06/8/2018  | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 3827, 3853, 3960, 4017, 4149, 4155.                                |
| 35 | 35/2018/NQ-HĐTV | 13/8/2018  | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 4255, 4282, 4284.  |
| 36 | 36/2018/NQ-HĐTV | 20/8/2018  | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 4209, 4312, 4313, 4156, 4349, 4343, 4376, 4359, 4360, 4366.        |
| 37 | 37/2018/NQ-HĐTV | 28/8/2018  | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 4443, 4499, 4501, 4537, 4543, 4548                                 |
| 38 | 38/2018/NQ-HĐTV | 04/9/2018  | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 4571, 4576, 4602, 4634, 4557, 4653, 4652, 4604, 169BC.             |
| 39 | 39/2018/NQ-HĐTV | 10/9/2018  | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 4721, 4727, 4782, 4789, 4746.                                      |
| 40 | 40/2018/NQ-HĐTV | 17/9/2018  | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 4793, 4889, 4894, 4901, 4906, 4916, 4917, 4892.                    |
| 41 | 41/2018/NQ-HĐTV | 28/9/2018  | Thông qua nội dung trình tại tờ trình số: 4939, 4959, 4961, 4970, 4973, 5001, 5018, 5026, 5050, 5080, 5085, 5090, 5095. |
| 42 | 42/2018/NQ-HĐTV | 04/10/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại tờ trình số: 4932, 5167, 5168, 5176, 5187.  |

| TT | Số văn bản      | Ngày       | Nội dung   |
|----|-----------------|------------|--|
| 43 | 43/2018/NQ-HĐTV | 15/10/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 5289, 5290, 5304, 5324, 5333, 5337, 5350, 5397, 5401, 5402, 5406, 5373.             |
| 44 | 44/2018/NQ-HĐTV | 22/10/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại tờ trình số: 5450, 5486, 5510, 5526, 5532.   |
| 45 | 45/2018/NQ-HĐTV | 02/11/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 5561, 5588, 5593, 5670, 5674, 5735, 5744, 5746, 5747.                               |
| 46 | 46/2018/NQ-HĐTV | 08/11/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 5866, 5898.   |
| 47 | 47/2018/NQ-HĐTV | 15/11/2018 | Thông qua nội dung trình tại tờ trình số: 5813, 5850, 5926, 5928, 5939, 5949, 5963, 5998, 5999.  |
| 48 | 48/2018/NQ-HĐTV | 26/11/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 6090, 6121, 6139, 6140, 6142, 6149, 6150, 6062, 6160, 6183.                         |
| 49 | 49/2018/NQ-HĐTV | 03/12/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 6154, 6164, 6275, 6281, 6288.   |
| 50 | 50/2018/NQ-HĐTV | 10/12/2018 | Thông qua nội dung trình tại các tờ trình số: 6286, 6315, 6401.  |
| 51 | 51/2018/NQ-HĐTV | 17/12/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 6501, 6504, 6553, 6574, 6592, 6595, 6598, 6599, 6490, 6605, 6609, 6628, 6121.       |
| 52 | 52/2018/NQ-HĐTV | 17/12/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại tờ trình số 6604.  |
| 53 | 53/2018/NQ-HĐTV | 24/12/2018 | Thông qua một số nội dung trình tại các tờ trình số: 6629, 6659, 6660, 6664, 6665, 6670, 6685, 6689, 6713, 6714, 6715, 6716, 6682, 6749. |



#### IV. HOẠT ĐỘNG CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

Trong năm 2018 KSV đã tuân thủ và chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định của Chủ sở hữu và Điều lệ tổ chức và hoạt động của TKV. KSV đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ cụ thể như sau:

##### 1. Về công tác xây dựng chương trình công tác năm 2018.

Năm 2018, kiểm soát viên nhà nước tại TKV đã xây dựng chương trình công tác và được Bộ Công thương phê duyệt chương trình công tác năm 2018 của KSV tại TKV tại công văn số 2922/BCT-TTB ngày 16/4/2018; Bộ Tài chính có ý kiến tại công văn số 1384/BTC-TCDN ngày 2/2/2018.

##### 2. Về tham gia các cuộc họp:

- Tham dự các cuộc họp do Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Bộ Tài chính, Cục Tài chính doanh nghiệp theo yêu cầu của cấp trên .

- Tổ chức các cuộc họp đột xuất, họp định kỳ hàng tháng, hàng quý của Kiểm soát viên tại TKV.

- Tham gia vào 53 phiên họp thường xuyên Hội đồng thành viên (HĐTV) của TKV; Các cuộc họp giao ban hàng tháng giữa HĐTV với Ban điều hành, các cuộc họp giao ban của Ban Tổng giám đốc; Các cuộc họp giao ban vùng hàng quý của Hội đồng thành viên Tập đoàn với các đơn vị sản xuất, chế biến và kinh doanh than và các mặt hàng khác tại ba vùng Uông Bí, Hạ Long và Cẩm Phả; Các cuộc họp tổng kết, thi đua và các hoạt động khác theo giấy mời họp của TKV.

##### 3. Công tác thẩm định các báo cáo của KSV.

- Chủ trì, phối hợp với HĐTV và các Ban chuyên môn của Tập đoàn rà soát, thẩm định báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty mẹ TKV.

- Có ý kiến với Bộ Công thương, Bộ Tài chính về báo cáo tình hình SXKD năm 2017 của TKV;

- Có ý kiến với Bộ Công thương, Bộ Tài chính về báo cáo quyết toán quỹ tiền lương của người lao động và quỹ tiền lương của viên chức quản lý năm 2017 của Công ty mẹ TKV tại công văn số 24/KSV ngày 2/4/2018 của KSV;

- Có ý kiến với Bộ Công thương, Bộ Tài chính về báo cáo đánh giá xếp loại doanh nghiệp năm 2017 của Công ty mẹ TKV và xếp loại viên chức quản lý năm 2017 của Công ty mẹ TKV tại công văn số 51/KSV ngày 18/6/2018 của KSV.

##### 4. Thực hiện chương trình công tác của KSV.

4.1. Căn cứ chương trình công tác của KSV năm 2018 đã được Bộ Công thương phê duyệt tại công văn số 2922/BCT-TTB ngày 16/4/2018. KSV tại TKV đã hoàn thành chương trình giám sát tại một số đơn vị theo chuyên đề về quản lý đầu tư, vật tư, sử dụng vốn huy động,

4.2. Đối với nhiệm vụ đôn đốc TKV báo cáo toàn bộ các dự án đầu tư của TKV, trong đó có đánh giá hiệu quả kinh tế của từng dự án; khó khăn vướng mắc phát sinh và kiến nghị giải pháp tháo gỡ theo kiến nghị của Bộ Tài chính tại công văn số 17793/BTC-TCDN ngày 28/12/2017. KSV đã có công văn số 12/KSVTKV ngày 22/2/2018 gửi Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tập đoàn đề đôn đốc các nội dung theo chỉ đạo của Bộ Tài chính.



4.3. Đối với nhiệm vụ giám sát, đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư ra nước ngoài của TKV: KSV đã có báo cáo trong nội dung các báo cáo quý, báo cáo cảnh báo năm 2018 của KSV và báo cáo giám sát tài chính năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 của TKV, theo đó tiến độ thoái vốn tại một số dự án đầu tư ra nước ngoài của Tập đoàn đã triển khai thêm một số hoạt động, tuy nhiên còn chậm và chưa có chuyển biến nhiều so với các báo cáo trong năm 2017 của KSV.

4.4. Về công tác cổ phần hoá, quyết toán cổ phần hoá và bàn giao các doanh nghiệp thuộc TKV:

- Về công tác cổ phần hoá: Theo kế hoạch năm 2018, TKV thực hiện cổ phần hoá các đơn vị là: Công ty TNHH MTV hoa tiêu hàng hải, Viên cơ khí năng lượng mỏ. Quy trình thực hiện cổ phần hoá thực hiện theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH MTV do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần. Do các đơn vị chưa phê duyệt được phương án sử dụng đất nên TKV đã có công văn báo cáo Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp để tiếp tục thực hiện năm 2019.

Đối với việc cổ phần hoá Công ty mẹ Tập đoàn, TKV đã có báo cáo Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp trình chủ sở hữu điều chỉnh thực hiện năm 2019 sang năm 2020.

- Về công tác quyết toán cổ phần hoá: Qua thực hiện hoạt động KSV tại Tập đoàn, một số doanh nghiệp là công ty con do Công ty mẹ TKV nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện cổ phần hoá trong một vài năm gần đây. Đến nay, TKV đã thực hiện công tác quyết toán theo quy định. Một số đơn vị thời gian quyết toán công tác cổ phần hoá bị chậm so với quy định tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 5/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện cổ phần hoá doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần như các Tổng công ty Khoáng sản, Tổng công ty Điện lực, Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc. Nguyên nhân phê duyệt công tác quyết toán cổ phần hoá chậm nêu trên trong hồ sơ của TKV là do khi xử lý một số tồn tại về tài chính phải xin ý kiến hướng dẫn của Bộ Công thương và Bộ Tài chính.

Một số tồn tại khác như tính thiếu tiền chậm nộp về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tập đoàn khi quyết toán công tác cổ phần hoá theo quy định tại Thông tư số 10/2013/TT-BTC ngày 18/1/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con...KSV đã có công văn gửi Hội đồng thành viên TKV đề nghị rà soát và tính toán lại để tăng nguồn quỹ...

5. Thực hiện chế độ báo cáo.

- Kiểm soát viên đã thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên, đột xuất theo quy định của chủ sở hữu gồm: Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ của KSV và tình hình SXKD năm 2018 của TKV, các báo cáo quý I, II, III, IV năm 2018, trong đó có báo cáo các nội dung theo quy định tại Quyết định số 35/2013/QĐ-TTg; Quyết định số 3913/QĐ-BCT của Bộ Công thương; Quyết định số 1760/QĐ-BTC ngày 31/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về tình hình SXKD, tài chính, đầu tư, tái cơ cấu...



- Thực hiện nghĩa vụ của KSVTC về chế độ báo cáo cảnh báo theo quy định tại điểm g khoản 3 Điều 4 Quyết định số 1760/QĐ-BTC ngày 31/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Năm 2018, KSVTC đã có báo cáo cảnh báo số 23/KSV ngày 02/4/2018 gửi Bộ Tài chính về tình hình SXKD, tài chính, đầu tư của TKV năm 2017, các nguyên nhân, kiến nghị và giải pháp.

- Thực hiện chế độ báo cáo hàng tháng trong năm 2018 theo chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Tài chính tại Thông báo số 602/TB-BTC ngày 23/8/2017 về ý kiến kết luận của Thứ trưởng Trần Văn Hiếu tại cuộc họp đánh giá tình hình hoạt động của Kiểm soát viên tài chính tại các Tập đoàn kinh tế, SCIC, DATC. KSVTC đã có báo cáo hàng tháng về tình hình hoạt động của KSV và tình hình hoạt động SXKD, đầu tư, tài chính của TKV.

- Thực hiện chế độ báo cáo đột xuất theo chỉ đạo của Bộ Tài chính, KSV đã có báo cáo về tình hình SXKD năm 2017 của hai dự án alumin của TKV tại công văn số 35/KSV ngày 5/5/2018.

- Về báo cáo giám sát tài chính: Năm 2018, KSV đã chủ động có các báo cáo Bộ Tài chính và cơ quan đại diện chủ sở hữu (Bộ Công thương nay là Ủy Ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp) tình hình thực hiện báo cáo giám sát tài chính năm 2017 của TKV tại công văn số 45/KSV ngày 29/5/2018; Tình hình thực hiện báo cáo giám sát tài chính 6 tháng đầu năm 2018 của TKV tại công văn số 80/KSV ngày 25/10/2018 để giúp Bộ Tài chính và cơ quan đại diện chủ sở hữu của TKV có đánh giá về tình hình tài chính năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 của TKV.

- Thực hiện nhiệm vụ phối hợp, báo cáo các tài liệu, thông tin nhanh về Cục Tài chính doanh nghiệp thông qua cán bộ quản lý, theo dõi tại Phòng NV1 để chuẩn bị tài liệu họp cho Cục Tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính và các cuộc họp khác của Bộ Tài chính với các cơ quan liên quan về tình hình SXKD của TKV; thực hiện các báo cáo, tham gia ý kiến theo yêu cầu của Bộ Công thương về kế hoạch năm 2018 của TKV, phê duyệt danh mục dự án nhóm A, dự án nhóm B của TKV năm 2018...

#### 6. Công tác khác.

- Tham gia các buổi học nghị quyết do các cơ quan có thẩm quyền tổ chức.

- Trong năm 2018 có 02 KSV được cử đi học lớp cao cấp chính trị tại Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện chính trị khu vực I, hiện nay đang thực hiện tốt công tác học tập.

- KSV đã tham gia đoàn khảo sát của TKV tại Trường đại học Queensland và Công ty CAT William Adams về công tác đào tạo; đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm về xây dựng chính sách và thực hiện chính sách về quản lý, giám sát doanh nghiệp nhà nước, quản trị công ty đối với doanh nghiệp nhà nước, quản lý danh mục đầu tư vốn thông qua mô hình công ty đầu tư vốn tại Công hoà liên bang Đức.

- Tham gia chương trình đào tạo, tập huấn về Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn để bồi dưỡng cho KSV do Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp phối hợp với Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương tổ chức; Tham gia vào chương trình hội thảo về xây dựng và áp dụng, triển khai phần mềm bộ chỉ số đánh giá hiệu quả SXKD và tình hình tài chính của các doanh nghiệp và các

cuộc họp khác do Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp tổ chức.

- Thực hiện các công việc khác tại Tập đoàn có liên quan đến nhiệm vụ của Kiểm soát viên và công tác đoàn thể theo quy định của pháp luật như tham gia vào một số chương trình làm việc của HĐQT, thành viên HĐQT tại một số đơn vị...